Gia Phả Đinh Nho — Hương Sơn, Hà Tĩnh

Phần 3 — Sơ đồ phả hệ (21 bản)

Vẽ lại theo dạng vector, trung thực — chữ Việt giữ nguyên văn

Tập này tái hiện 21 bản phả hệ của Phần 3 trong Gia Phả dưới dạng sơ đồ cây vector.
Tên người và các ghi chú được giữ nguyên bằng tiếng Việt như bản gốc (Bà, Gái, không con, liệt sĩ, chết ở…, năm, chức tước).

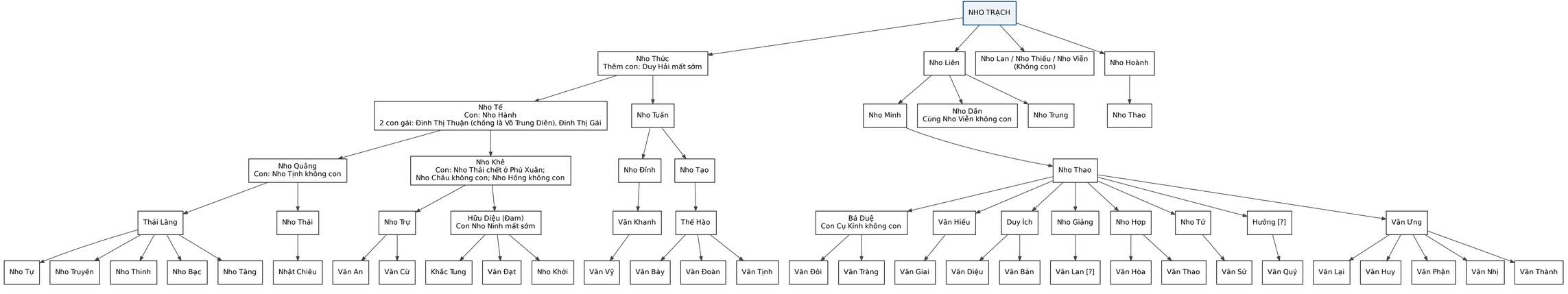
Quy ước:

- Nét liền → quan hệ cha→con đọc rõ trên bản gốc.
- Nét đứt (xám) → quan hệ cha→con gộp nhóm (không đọc rõ chi tiết trên bản scan).
- [?] → đọc chưa chắc chắn (độ phân giải bản scan ≈ 1372×896 px).
- Khung xanh → tổ tiên chính hoặc nhân vật đáng chú ý.
- Nhãn « Đời N » (bên trái) → số thứ tự đời.

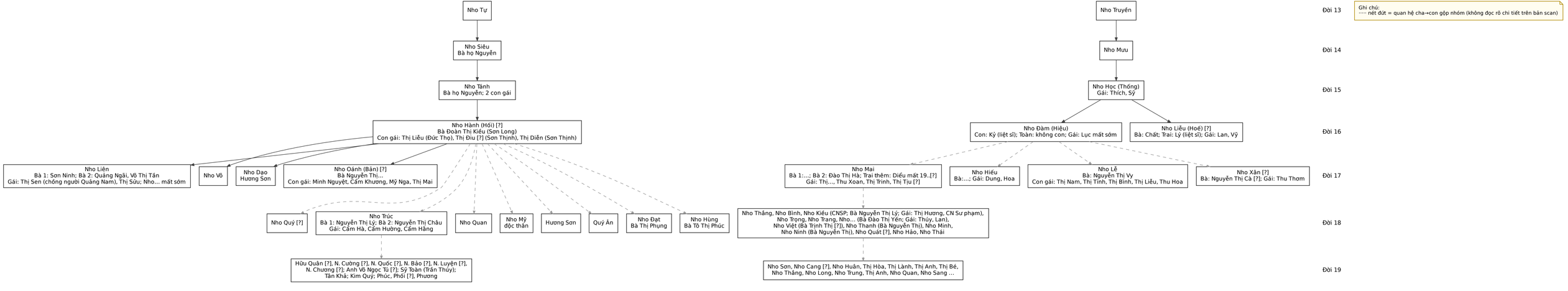
Bản 1–10: các đại chi (Nho Trạch, Đinh Nho Quang, Đinh Nho Điển, chi phân tán hải ngoại…).
Bản 11–21: các tiểu chi « B » (13B–18B). Bản 14 = bản trùng với Bản 13.
Bản 21: hai nhân vật chống thực dân — Nho Thục (Đông Kinh Nghĩa Thục, † Côn Đảo) và Nho Bặc (Cần Vương, † Lào).

Hạn chế: để gỡ các dấu [?], cần bản scan độ phân giải cao hoặc tra cứu bản gốc Hương Yên Phổ Tự (chữ Hán, nhà thờ tổ Đồng Vực).

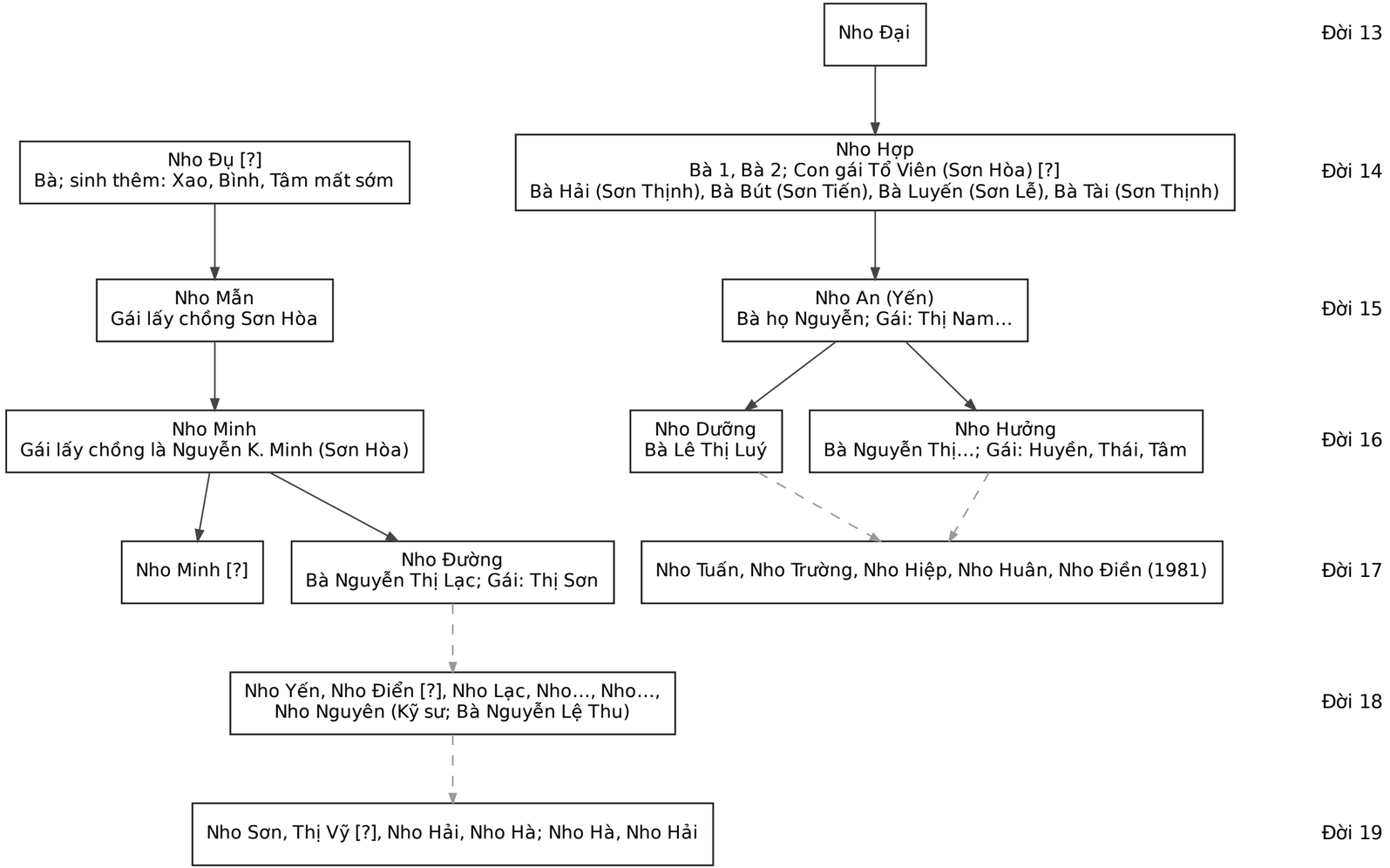
Sơ đồ 1 — NHO TRẠCH
Đời 8A–13A



Sơ đồ 2 — Tiếp nối các chi Nho Tự (trái) và Nho Truyền (phải)
Đời 13–19

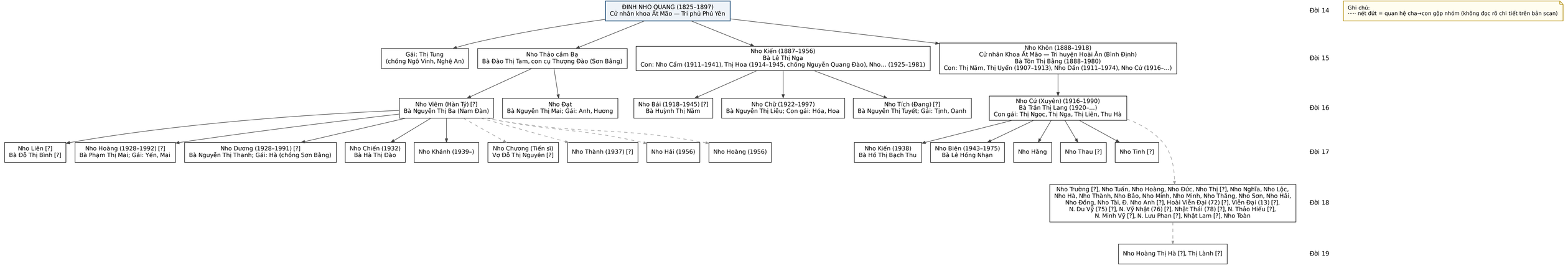


Sơ đồ 3 — Nho Đụ (trái) và Nho Đại → Nho Hợp (phải)
Đời 13–19

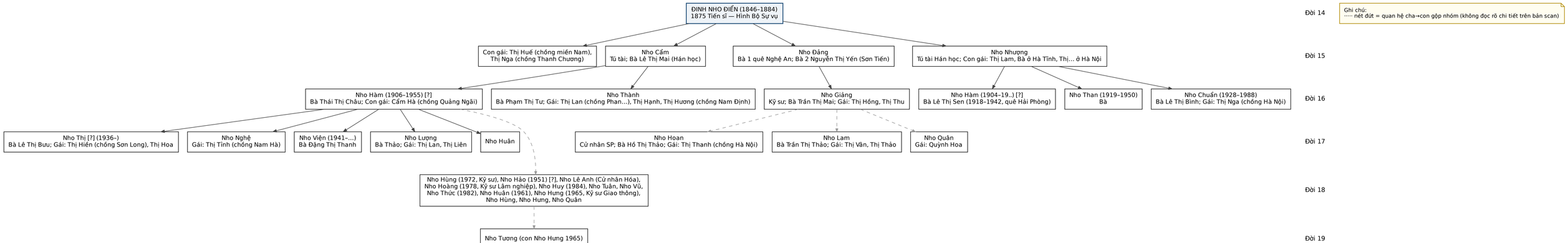


Ghi chú:
····· nét đứt = quan hệ cha→con gộp nhóm (không đọc rõ chi tiết trên bản scan)

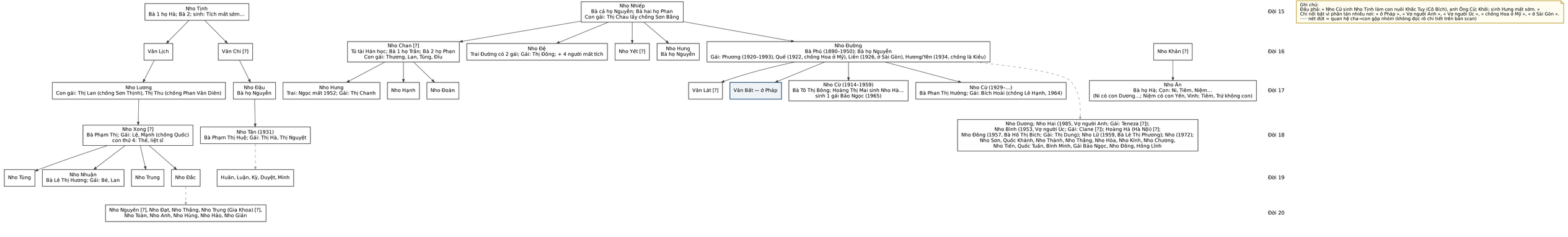
Sơ đồ 4 — ĐINH NHO QUANG (1825–1897)
Đời 14–19



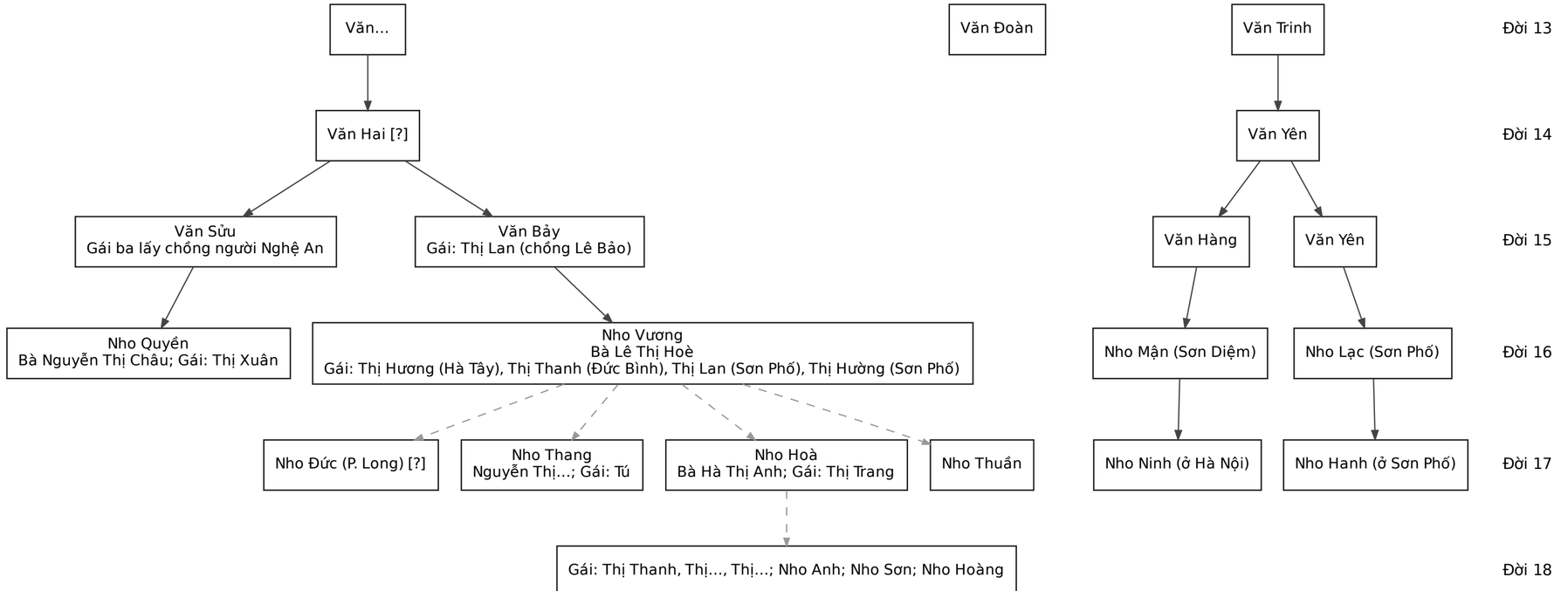
Sơ đồ 5 — ĐINH NHO ĐIỂN (1846–1884), Tiến sĩ 1875
Đời 14–19



Sơ đồ 6 — Nho Tịnh / Nho Nhiếp (chi phân tán hải ngoại)
Đời ~15–20

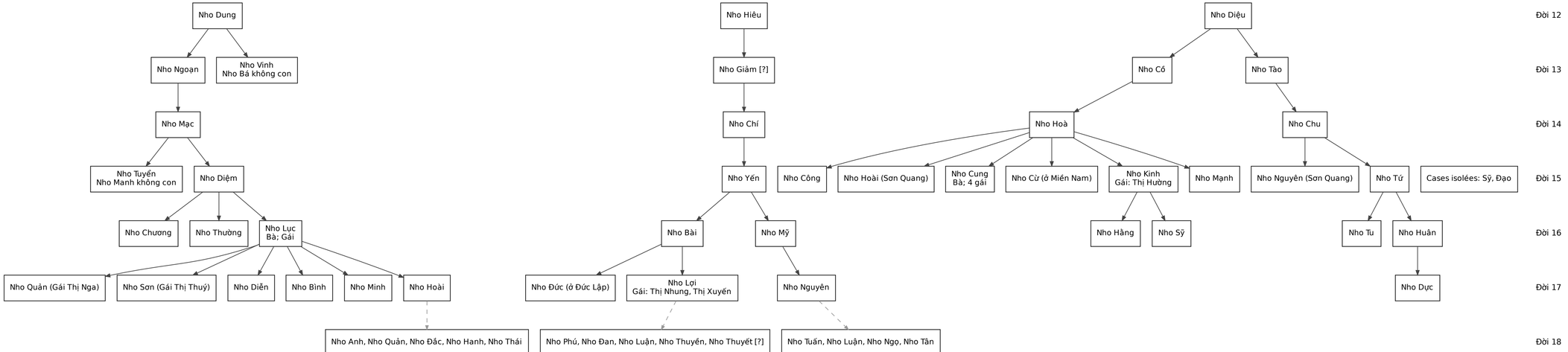


Sơ đồ 7 — Nho Khánh (trái) và Văn Hảo (phải)
Đời 12–18

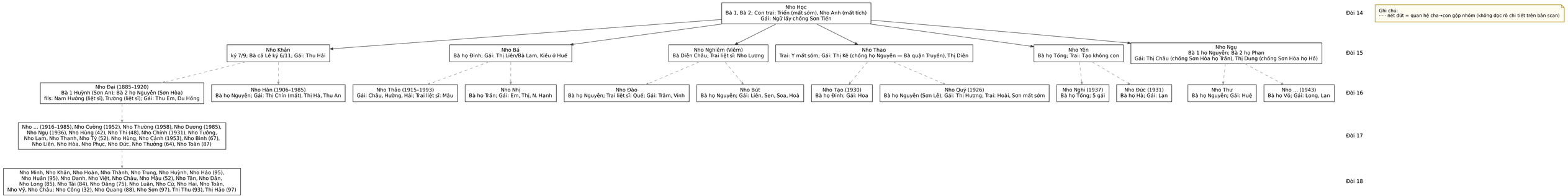


Ghi chú:
····· nét đứt = quan hệ cha→con gộp nhóm (không đọc rõ chi tiết trên bản scan)

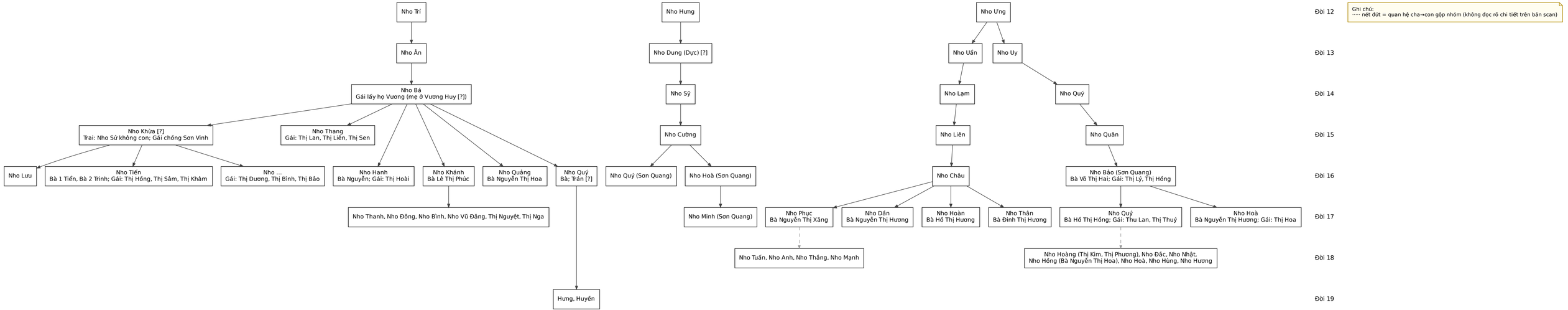
Sơ đồ 8 — Nho Dung / Nho Hiêu / Nho Diệu
Đời 12–18



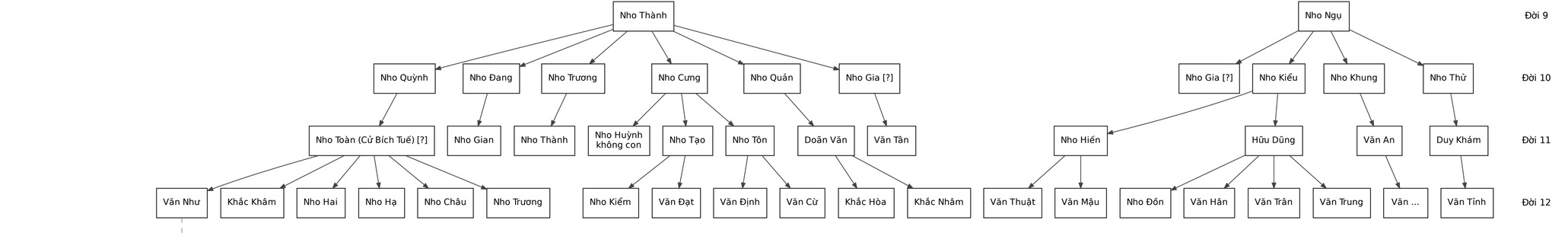
Sơ đồ 9 — Đại chi Nho Học (thế hệ thời chiến)
Đời ~14–20



Sơ đồ 10 — Nho Trí / Nho Hưng (trái) và Nho Ưng (phải)
Đời 12–19



Sơ đồ 11 — Chi Nho Thành / Nho Ngụ (sơ đồ ngang)
Đời 8–13

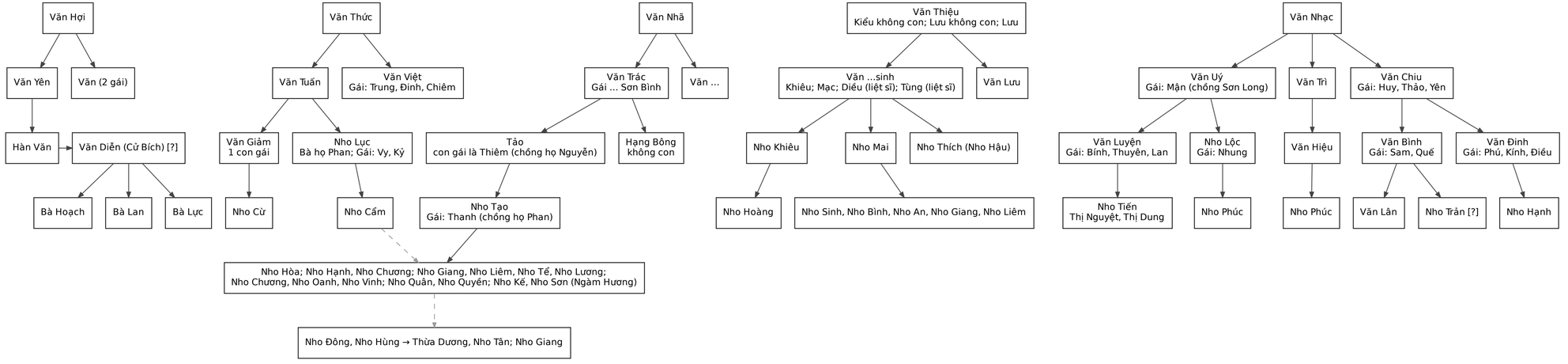


Đời 9
Đời 10
Đời 11
Đời 12
Đời 13

Đời 13 — chủ yếu là ghi chú di cư (« chuyển về … »):
Văn Thức (cố Hữu Sự), Văn Thiệu (Lào, Sài Trang), Văn Nha, Văn Nhạc,
« Chuyển về Nghi Xuân », Nho Hai, Nho Châu, Nho Kiểm (cố ấm Thuyết),
Văn Tôm (Phương Sơn Bình), Vận Năm, Văn Quỳnh, Văn Vân, Văn Châu,
Văn Long (cố Trung), Văn Lương, Văn Lan (ông Hàn Lê), Văn Tức (ra Sơn Tây),
Văn Phong, Văn Gáo, Văn Huệch (Sơn Phúc), Văn Trác, Văn Hoàng (không con),
Văn Định, Văn Chuyu [?], Văn phước (ông Hữu Tâm)

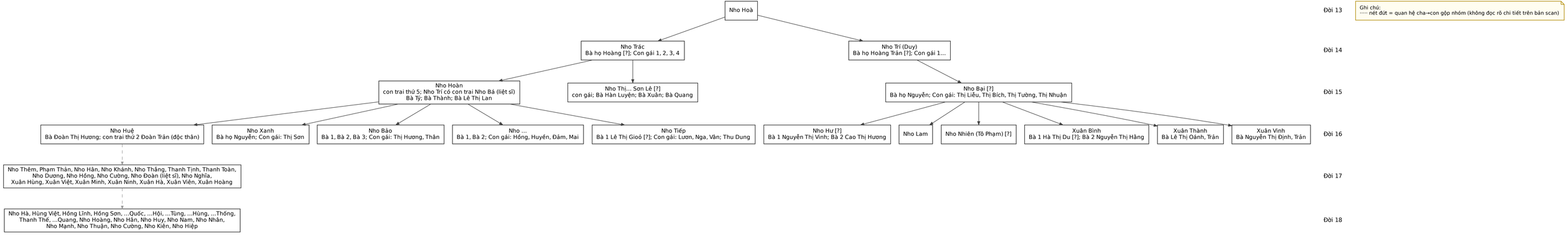
Ghi chú:
····· nét đứt = quan hệ cha→con gộp nhóm (không đọc rõ chi tiết trên bản scan)

Sơ đồ 12 — « II. Từ 13B–18B » (tiểu chi Văn Như / Khắc Khâm)
Đời 13–18



Ghi chú:
····· nét đứt = quan hệ cha→con gộp nhóm (không đọc rõ chi tiết trên bản scan)

Sơ đồ 13 — Bản viết tay (B) — Nho Trác / Nho Hoà
Đời 14B–18B



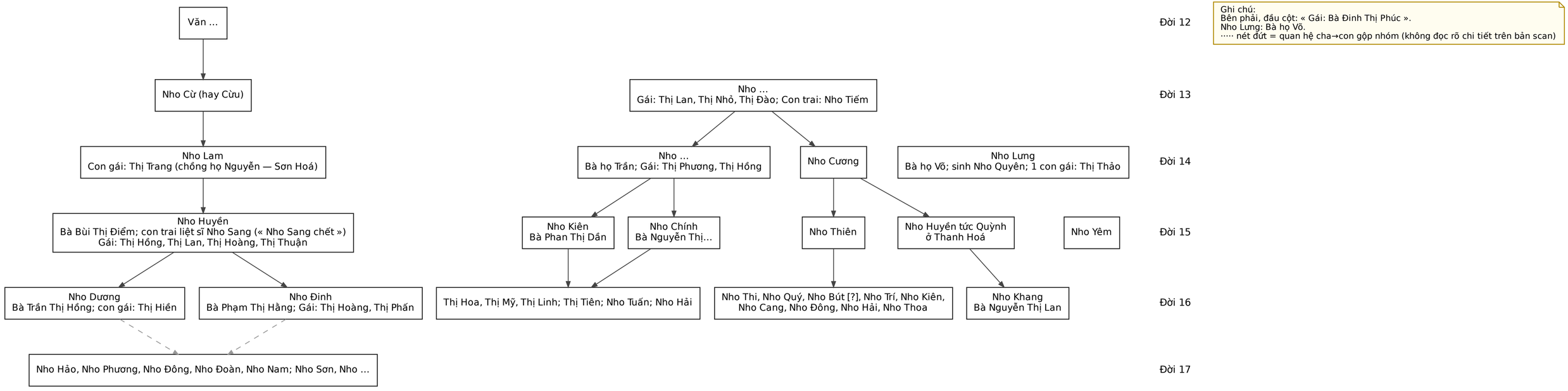
Sơ đồ 14 — Bản trùng với Sơ đồ 13

SƠ ĐỒ 14 = BẢN TRÙNG VỚI SƠ ĐỒ 13

Bản scan thứ hai của cùng một bản viết tay
(cùng các ô Nho Trác / Nho Hoàn / Nho Bại / Xuân Bình / Xuân Vinh,
cùng hậu duệ Đời 17B–18B).

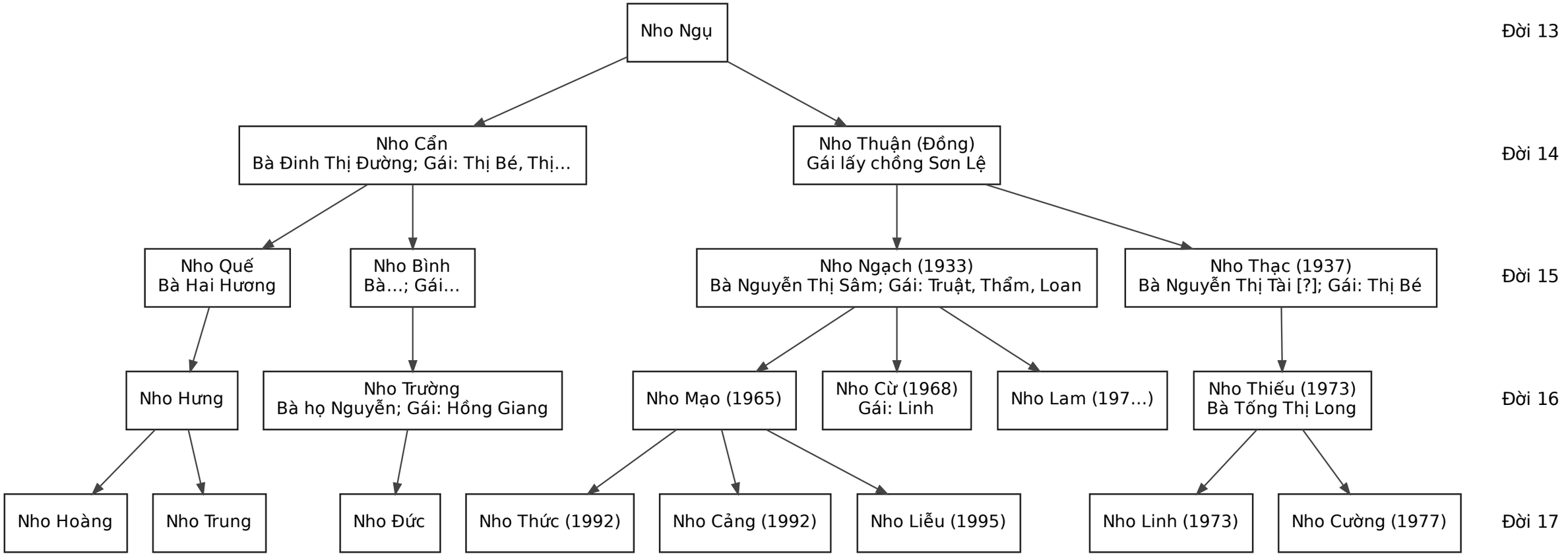
→ Xem Sơ đồ 13.

Sơ đồ 15 — Nho Cừ / Nho Lam và Nho Cương / Nho Huyền
Đời 12–17

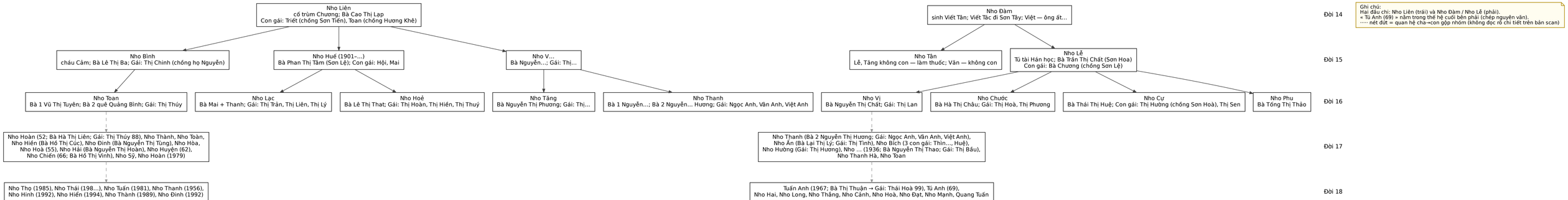


Ghi chú:
Bên phải, đầu cột: « Gái: Bà Đinh Thị Phúc ».
Nho Lưng: Bà họ Võ.
····· nét đứt = quan hệ cha→con gộp nhóm (không đọc rõ chi tiết trên bản scan)

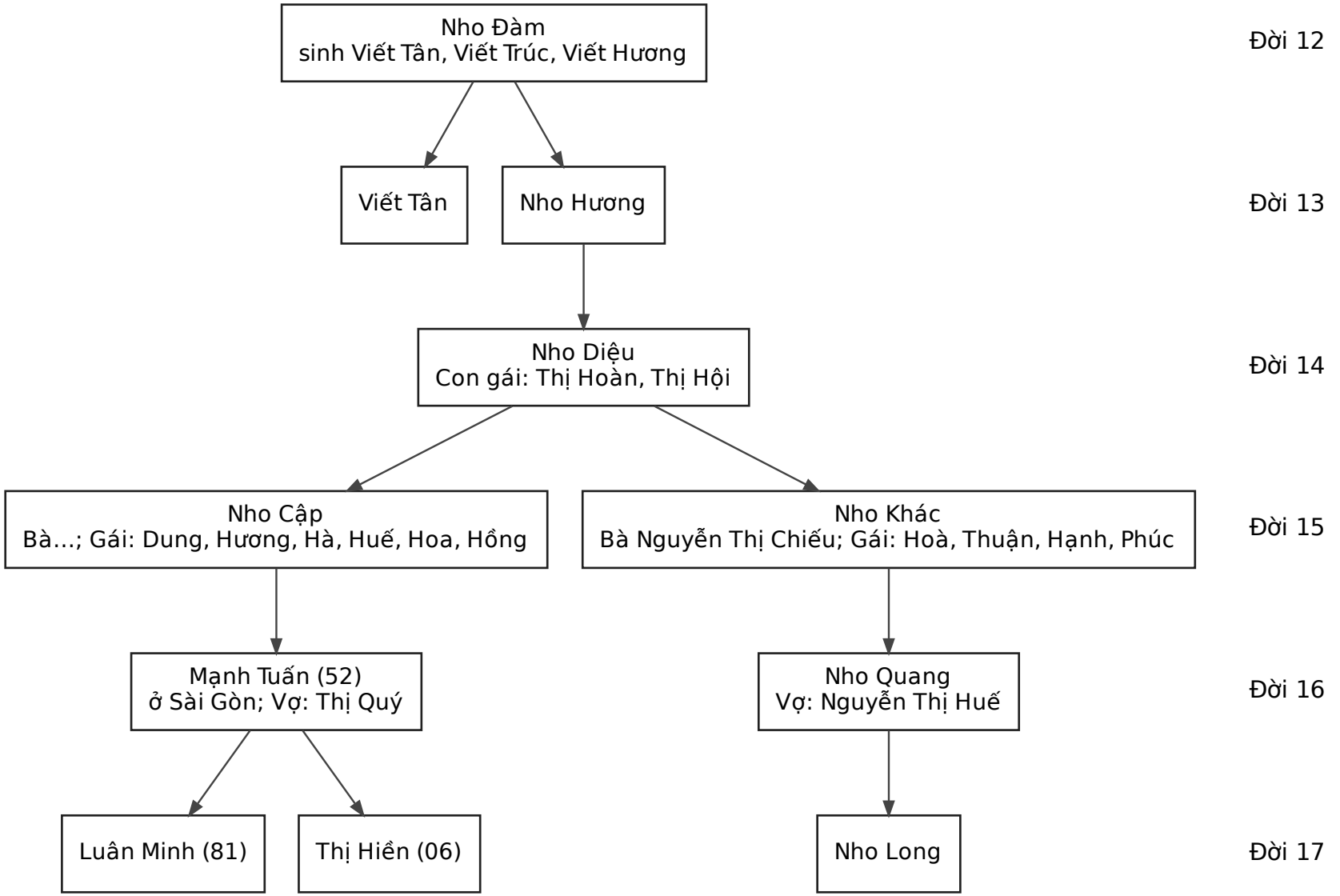
Sơ đồ 16 — Chi Nho Ngụ
Đời 13–17



Sơ đồ 17 — Nho Liên & Nho Đàm / Nho Lễ
hậu duệ thời hiện đại, ghi rõ năm sinh

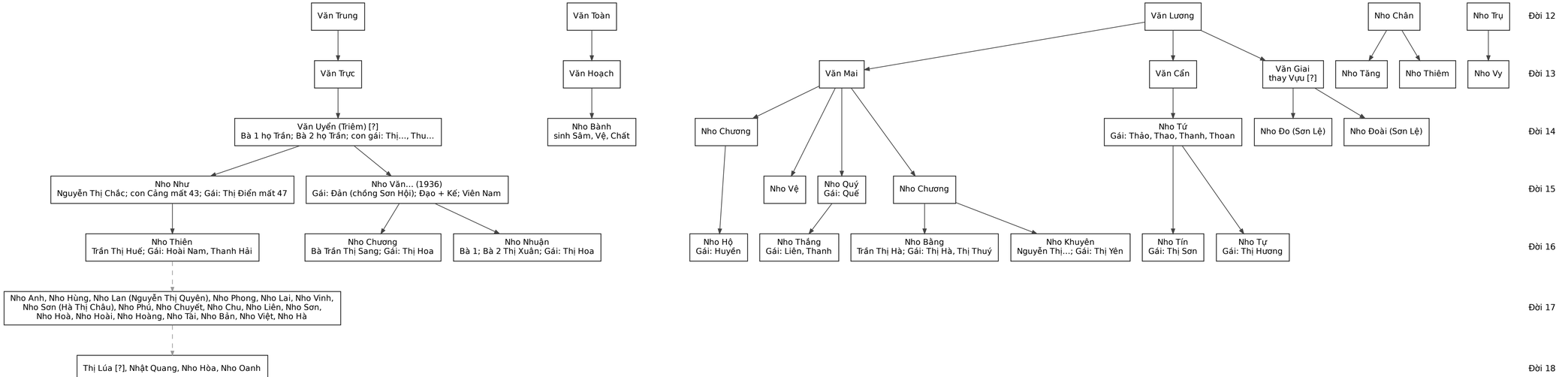


Sơ đồ 18 — Chi Nho Đàm (dòng Viết Hương → Nho Diệu)
Đời 12–17



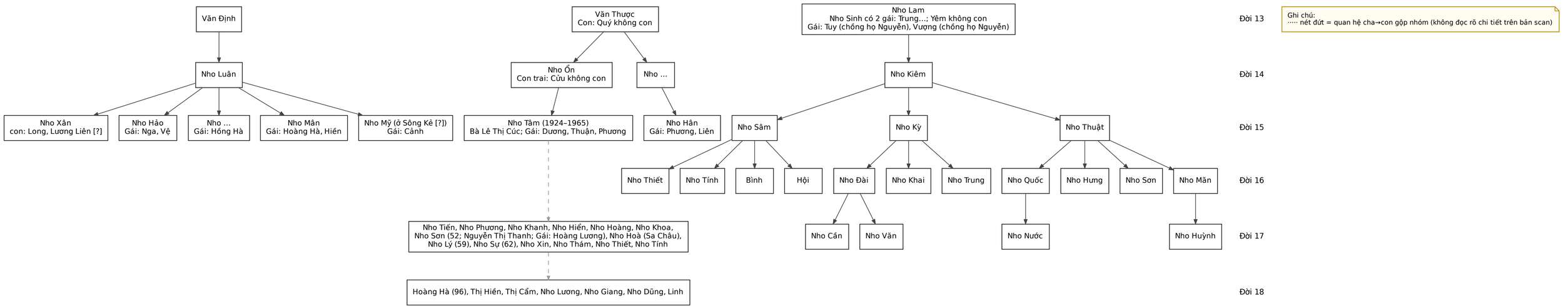
Ghi chú:
Nửa phải của bản để trống.

Sơ đồ 19 — Văn Trung / Văn Toàn / Văn Lương (+ Nho Chân, Nho Trụ)
Đời 12–18

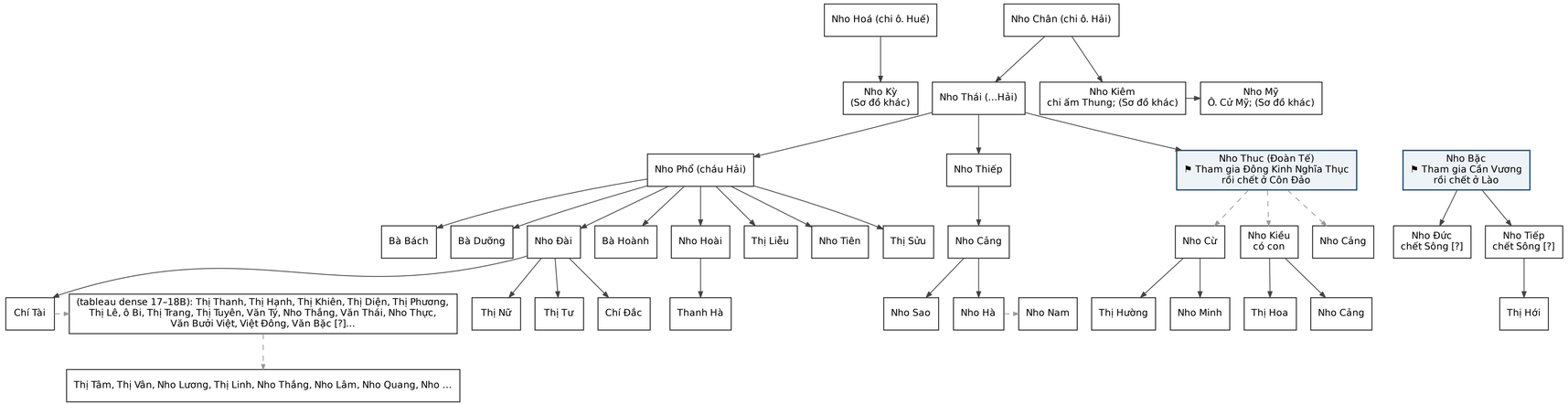


Ghi chú:
····· nét đứt = quan hệ cha→con gộp nhóm (không đọc rõ chi tiết trên bản scan)

Sơ đồ 20 — Văn Định / Văn Thược (trái) và Nho Lam / Nho Kiêm (phải)
Đời 13–18



Sơ đồ 21 — Bản viết tay « Đời 13B–18B » — Nho Hoá / Nho Chân
⚑ hai nhân vật chống thực dân



Ghi chú:
Bản viết tay, nhãn « Đời 13B » đến « Đời 18B ».
« Sơ đồ khác » = xem sơ đồ riêng.
HAI NHÂN VẬT CHỐNG THỰC DÂN (nguyên văn): Nho Thục (Đoàn Tế) — Đông Kinh Nghĩa Thục, mất ở Côn Đảo; Nho Bặc — Cần Vương, mất ở Lào.
····· nét đứt = quan hệ cha→con gộp nhóm (không đọc rõ chi tiết trên bản scan)